**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: Phép trừ các số trong phạm vi 10 000 (Tiết 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức kỹ năng:

- Xây dựng biện pháp trừ các số có bốn chữ số (không nhớ, có nhớ không quá hai lượt, không liên tiếp).

-Trừ nhẩm trong phạm vi 10 000.

- Củng cố mối quan hệ giữ phép cộng và phép trừ.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 000 và độ dài đường gấp khúc.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cô giao.

- Trách nhiệm: Tự giác trong việc tự học, hoàn thành nhiệm vụ cô giao.

- Trung thực: Chia sẻ chân thật nhiệm vụ học tập của cá nhân với bạn.

3. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động.

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

4. Năng lực đặc thù:

- Giao tiếp toán học: Củng cố ý nghĩa của phép cộng, tên gọi các thành phần của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.

 - Tư duy và lập luận toán học: Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100;

- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 10 000.

- Giải quyết vấn đề toán học: không nhớ, có nhớ không quá hai lượt, không liên tiếp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: các tấm thẻ vẽ con thỏ, ngôi nhà, bảng phụ.

- HS: đồ dùng học tập, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động Khởi động: (5 phút)**

**Trò chơi: “Cùng giúp thỏ về nhà”**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp: **Trò chơi** \* Hình thức tổ chức: Cá nhân |
| - GV dán lần lượt các tấm thẻ:+ Hình con thỏ + 3 chướng ngại vật chứa các câu hỏi (567-478; 748-372; 467 - 273) + Ngôi nhà- 3 HS chọn từng chướng ngại vật và thực hiện yêu cầu, khi trả lời đúng vật chú thỏ sẽ tiến gần hơn về ngôi nhà.- GV nhận xét | - HS chọn các chướng ngại vật-  *Dự kiến HS trả lời:**+ 89, 376, 194* |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (27 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (12 phút): Khám phá****a. Mục tiêu:** Xây dựng các biện pháp trừ các số có bốn chữ số (không nhớ, có nhớ không quá hai lượt, không liên tiếp).**b. Phương pháp: Nêu vấn đề****\* Hình thức tổ chức: Làm việc cá nhân** |
| Vừa rồi các bạn đã giúp thỏ con về được nhà nhà của mình. Vậy khi trừ hai số có ba chữ số, ta thực hiện mấy bước? - Khi đặt tính lưu ý điều gì?- Trước khi tính, ta lưu ý điều gì? Tính theo thứ tự nào?**-GV viết: 3936- 1421****-GV nêu vấn đề**: Vậy với phép trừ hai số có bốn chữ số thì làm như thế nào? - Gọi HS nêu cách đặt tính?- GV nhận xét, đặt tính lên bảng- Trước khi tính, quan sát xem đây có phải là phép trừ có nhớ không.- Yêu cầu HS lấy bảng con và thực hiện phép tính.- GV quan sát HS làm bảng con- Gọi HS nêu cách trừ (HS nêu , GV thực hiện phép tính trên bảng) - GV nhận xét HS làm bảng con.**- GV khái quát lại cách trừ:**+ Tính theo thứ tự từ trái sang phải+ Đơn vị trừ đơn vị, chục trừ chục, trăm trừ trăm, nghìn trừ nghìn.**GV viết: 4140 – 1421**- Yêu cầu HS đặt tính trên bảng con và tính.- Ở bước tính lưu ý có nhớ hay không?- GV quan sát HS đặt tính.**-** Gọi HS nêu cách trừ (HS nêu , GV thực hiện phép tính trên bảng)- GV nhận xét, hệ thống lại cách đặt tính (đặc biệt thao tác nhớ) | *- Dự kiến HS trả lời:* Khi trừ hai số có ba chữ số, ta thực hiện 2 bước: + Đặt tính + Tính*- Dự kiến HS trả lời:**Khi đặt tính các chữ số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau**- Dự kiến HS trả lời:*+ Trước khi tính, ta lưu ý quan sát xem đây có là phép trừ có nhớ không.+ Tính từ phải sang trái*- Dự kiến HS trả lời:* + Vậy với phép trừ hai số có bốn chữ số thì thực hiện như trừ các số có ba chữ số.*- Dự kiến HS trả lời:*Viết số này dưới số kia sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang.- HS nhận xét-  *Dự kiến HS trả lời:*3936 1421 2515- HS làm vào bảng con.*- Dự kiến HS trả lời:*+ 6 trừ 1 bằng 5, viết 5+ 3 trừ 2 bằng 1, viết 1+ 9 trừ 4 bằng 5 , viết 5+ 3 trừ 1 bằng 2 , viết 2- HS nhận xét.- Đây là phép trừ không nhớ.+ HS đặt tính vào bảng con *- Dự kiến HS trả lời:*+ 0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9, nhớ 1.+ 2 thêm 1 bằng 3, 4 trừ 3 bằng 1, viết 1.+ 1 không trừ được 4, lấy 11 trừ 4 bằng 7, viết 7 nhớ 1.+ 1 thêm 1 bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.- HS nhận xét |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Trừ nhẩm trong phạm vi 10000b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm |
| **Bài tập 1:**- HS đọc thầm bài tập- Yêu cầu bài tập 1 là gì?- Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý điều gì? - HS làm bài vào vở ( cá nhân) rồi chia sẽ nhóm đôi- 8 HS làm vào bảng phụ (mỗi HS 1 câu)- GV quan sát, giúp đỡ- HS trình bày- GV nhận xét. | - HS đọc thầm - Bài tập 1 yêu cầu tính*- Dự kiến HS trả lời:* Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý: + Đặt tính thẳng cột+ Khi tính luôn lưu ý việc “có nhớ”- HS làm bài tập- HS trình bày cách và nhận xét |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (4 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp:Trò chơi \* Hình thức tổ chức: cả lớp |
| Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai tinh mắt?”+ GV nêu cách chơi: Khi cô đưa ra phép tính, nếu phép tính nào đúng thì các em sẽ viết chữ Đ vào bảng con, nếu phép tính nào sai thì các em viết chữ S vào bảng con trong thời gian 30 giây. Khi hết thời gian các em sẽ đưa bảng lên để cô kiểm tra.+ GV lần lượt đưa từng phép tính cho HS xem, sau mỗi lượt GV hỏi HS vì sao viết chữ Đ/S.**a) b) c)**  46223426 110633252126119955325226 316+ GV nhận xét- Yêu cầu HS về nhà tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học để hôm sau chia sẻ với bạn bè. - Dặn dò sau bài học- Nhận xét tiết học- Chuẩn bị bài cho tiết học sau. | - Cả lớp cùng tham gia chơi. Lần lượt viết chữ Đ/S vào bảng con và giải thích. a) S b) S c) Đ- HS chú ý lắng nghe.- HS chú ý lắng nghe. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................